

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HC-ST

Ngày 10-10-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2019/TLST-HC ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3385/2019/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 4015/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Trí B, sinh năm 1965; nơi cư trú: Xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1990, nơi cư trú: HMG, NC, TX, HN(theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018); có mặt.

2. Ông Đặng Minh Ch, sinh năm 1990, ĐKKHKT tại Xóm 2, thôn LT, xã DL, huyện HD, Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018); vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1984; ĐKKHKT tại đường BL, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện trú tại: Tòa nhà 10 chung cư ĐT, TT, Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018); vắng mặt.

5. Ông Phạm Việt A, sinh năm 1992; hiện trú tại: HMG, NC, TX, HN (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018); vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1991, ĐHKHKT tại Thông ND, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình; hiện trú tại: HMG, NC, TX, HN (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018); vắng mặt.

7. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1991; ĐHKHKT tại BP1, xã ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái; vắng mặt; (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/9/2018); vắng mặt.

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; trụ sở: Đường 20/8 thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Nh - Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Ch - Phó Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2019); vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình Q- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo; có mặt.

2. Ông Dương Văn S; nơi cư trú: thôn NG, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là Ông Phạm Trí B và những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1982 gia đình Ông Dương Văn S có khai hoang được khoảng hơn 360m² đất tại kênh Trang sông Rứa (thời điểm đó ông S không đo vẽ cụ thể và dùng thiết bị chính xác nên chỉ xác định theo sào khoảng 360m² nhưng thực tế có thể chênh lệch thêm một phần diện tích), đồng thời ông S có sử dụng thửa đất 95% diện tích khoảng 2 sào 12 thước.

Đến năm 2002, sau khi mở rộng xong đường Quốc lộ 10 lần 1, theo chính sách giao đất ở cho người dân có nhu cầu tại xã Vinh Quang, gia đình ông S đã đổi cho UBND xã Vinh Quang 2 sào, 12 thước (tương đương với hơn 1000m²) đất ruộng 95% để được công nhận quyền sử dụng khoảng 360m² đất phía đối diện đường. Ngày 07/7/2002, theo hướng dẫn của UBND xã, ông S đã làm Đơn xin đất và làm quán mở dịch vụ bên đường Quốc lộ 10 và được UBND xã Vinh Quang xác nhận: “UBND xã Vinh Quang nhất trí cho gia đình Ông Dương Văn S được làm gian quán đồng thời sử dụng ở phần cuối giáp cống. Yêu cầu gia đình không được làm cản trở chân cầu, cống và nề đường”. Cùng ngày UBND xã Vinh Quang đã thu của ông S thêm 2.000.000 đồng tiền lệ phí mở quán kinh doanh (thể hiện tại Phiếu thu số 10 ngày 07/7/2002 do UBND xã Vinh Quang lập).

Đến ngày 08/02/2002, UBND xã Vinh Quang lập Biên bản chuyển đổi mục đích đất sử dụng làm quán, trong đó có nêu rõ nội dung: “Được sự nhất trí của UBND xã Vinh Quang, căn cứ vào đơn đề nghị xin chuyển đổi phần đất 95% của gia đình Ông Dương Văn S thuộc Cụm 1, thôn Nhân Giả, xã Vinh Quang có diện tích 95% là 2 sào 12 thước để UBND xã Vinh Quang làm thủ tục Quy hoạch dân cư. Vì vậy Ông Dương Văn S có một số diện tích đất vỡ hoang nằm cạnh Cống Kênh Trang theo yêu cầu phục vụ kinh tế. Vì vậy, UBND xã Vinh Quang nhất trí giao tạm chờ làm các thủ tục tiếp theo. Số diện tích khai hoang phục hóa là 360m² từ năm 1982. Yêu cầu trong thời gian sử dụng đất ông S phải nộp thuế sử dụng đất hàng năm theo quy định của pháp luật về đất đai”. Kể từ thời điểm đó hộ gia đình ông S sử dụng toàn bộ diện tích đất mặt đường để làm quán bán hàng và để ở. Năm 2003, gia đình Ông Phạm Trí B nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của Ông Dương Văn S có nguồn gốc nêu trên.

Khi thực hiện dự án trên, UBND huyện Vĩnh Bảo không ban hành, giao quyết định thu hồi đất và các văn bản liên quan đến việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ khác cho gia đình ông B. Nên ông B chỉ được biết gia đình ông bị thu hồi 6,7m dài x 4,5m từ mép đường QL10 vào trong nhưng không được bồi thường về đất, trong đó diện tích xây dựng từ năm 2003 nằm trong chỉ giới GPMB năm 2015 là 15,9m² với lý do đất này gia đình ông tự lấn chiếm sử dụng xây dựng công trình, làm quán trên đất công trình Quốc lộ 10 cũ và dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 năm 2015 không thu hồi vào diện tích đất UBND xã Vinh Quang đã giao tạm thời cho Ông Dương Văn S, trong đó có diện tích đất gia đình ông S đã nhận chuyển nhượng của ông Sáu.

Ngày 11/7/2017, ông B cùng với gia đình Ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Tr làm đơn đề nghị UBND huyện Vĩnh Bảo tiến hành công khai đo đạc lại trên thực tế và xác định chỉ giới thu hồi đất trên thực địa bằng phương pháp đo toàn bộ thửa đất của chúng tôi; xác định và công khai rõ cho chúng tôi được biết tính từ mép bờ sông đến chỉ giới GPMB năm 2015 thì 04 hộ đang sử dụng bao nhiêu mét vuông.

Ngày 02/8/2017 gia đình ông B nhận được Văn bản số 3365/TB-TTPTQĐ thông báo “Kết quả kiểm tra diện tích hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình Ông Dương Văn S và 3 hộ nhận chuyển nhượng đất của Ông Dương Văn S ngày 24/7/2017”. Theo đó, tổng diện tích hiện trạng cả 4 hộ đang sử dụng là 480,4m², trong đó: diện tích tính từ mép đỉnh kè đá phía sông đến mép ngoài hiện trạng công trình sát Quốc lộ 10 là 383,1m²; diện tích công trình xây dựng từ mép đỉnh kè trở ra phía sông là 97,3m². Tổng diện tích tính từ chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 đến mép trên đỉnh kè đá phía sông là 383,1m². Tổng diện tích tính từ mép nhựa Quốc lộ 10 cũ (xác định theo bản đồ địa chính giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 10 năm 2000) đến mép trên đỉnh kè đá phía sông là 289,8m².

Từ kết quả trên, có thể khẳng định rằng chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 đã phạm vào phần diện tích đất mà gia đình ông B đã nhận chuyển nhượng của ông S (thời điểm đó xác định là khoảng 360m² nhưng khi đo hiện trạng từ mốc ông S xây dựng quán là khoảng 383m²). Do đó, lý do không bồi thường mà UBND

huyện Vĩnh Bảo đưa ra (diện tích thu hồi không nằm trong phần diện tích được giao) là không đúng với thực tế và các tài liệu, hồ sơ giao đất, chuyển nhượng, sử dụng đất của gia đình Ông Phạm Trí B.

Mặt khác, kết quả đo vẽ thực tế cho thấy kết quả xác minh theo Bản đồ địa chính trong Văn bản số 1205/UBND-HĐBTGPMB của UBND huyện Vĩnh Bảo ngày 03/7/2017 là không chính xác, và điều này cũng cho thấy Bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 năm 2000; Bản đồ giải thửa xã Vinh Quang mà UBND huyện Vĩnh Bảo sử dụng cũng không phải là Bản đồ có thông số chính xác.

Ngày 15/8/2017, ông B cùng với gia đình Ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị Ht, ông Nguyễn Văn Tr làm đơn đề nghị UBND huyện Vĩnh Bảo bồi thường diện tích đất bị thu hồi và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến cuộc họp làm việc với Tổ công tác của UBND thành phố ngày 27/8/2017, UBND huyện lại trả lời rằng diện tích đất 360m² (trong đó có phần đất gia đình ông B nhận chuyển nhượng) này ông S không thực hiện nghĩa vụ tài chính, cũng không phải do đổi đất? Kết luận của UBND huyện như vậy là không đúng, bởi:

+ **Thứ nhất**, khi đổi đất UBND xã Vinh Quang có lập giấy tờ, biên bản cho ông B. Việc đổi đất cũng tương ứng với việc nộp tiền sử dụng đất bởi quyền sử dụng diện tích đất ông S đổi cho UBND xã Vinh Quang cũng tính được giá trị bằng tiền nếu tham gia giao dịch trên thị trường.

+ **Thứ hai**, diện tích 360m² này là gia đình ông S tự khai hoang đã có từ trước, thời điểm đổi đất, việc đổi đất này rõ ràng là để UBND xã công nhận diện tích đất ở. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, do đã nộp tiền sử dụng đất (bằng hình thức nộp tiền xin chuyển đổi đất làm quán và hình thức đổi bằng đất ruộng 95%) để được sử dụng thửa đất 360m², thời điểm sử dụng là trước quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt (không vi phạm quy hoạch). Vì vậy, gia đình Ông Phạm Trí B phải được bồi thường về đất với diện tích đã đóng tiền sử dụng đất. Mặc dù diện tích đất bị nhà nước thu hồi nằm trên mặt đường 10 cũ và là đất hành lang giao thông tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã đã giao cho Ông Dương Văn S có thu tiền sử dụng đất.

Trong suốt quá trình thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 10 địa bàn xã Vinh Quang, đơn vị trực tiếp và có trách nhiệm thực hiện về giải phóng, bồi thường mặt bằng là UBND huyện Vĩnh Bảo đã không giao hoặc thông báo trực tiếp cho gia đình ông B - những người bị ảnh hưởng trực tiếp và có diện tích bị thu hồi các văn bản, quyết định liên quan đến việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ khác cho gia đình ông. Việc không thực các hành vi mà lẽ ra theo quy định của pháp luật, UBND huyện Vĩnh Bảo phải thực hiện đã ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng tới gia đình Ông Phạm Trí B.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định hành chính số 2254/QĐ-UBND do UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành ngày 10/10/2016 về việc Phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB tài sản trên đất công thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn tại xã Vinh

Quang, huyện Vĩnh Bảo (có kèm theo Phương án bồi thường ngày 12/10/2016).

Tại phiên tòa, người khởi kiện bổ sung yêu cầu: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1946 ngày 29/9/2017 về việc giải quyết kiến nghị của Ông Phạm Trí B.

Người bị kiện là UBND huyện Vĩnh Bảo và Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo đều thống nhất trình bày:

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01 bản đồ giải thửa xã Vinh Quang do Ông Phạm Trí B đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của Ông Dương Văn S năm 2003 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định pháp luật. Theo Kết luận thanh tra giải quyết đơn tố cáo của một số công dân xã Vinh Quang số 192/KL-UBND ngày 05/5/2006 của UBND huyện Vĩnh Bảo đối với diện tích đất của Ông Dương Văn S là đất lưu không của hành lang Quốc lộ 10, do UBND xã trực tiếp quản lý. Ngày 07/7/2002, Chủ tịch UBND xã Vinh Quang đã cho phép Ông Dương Văn S mở quán kinh doanh và đã thu số tiền 2.000.000 đồng tại phiếu thu ngày 07/7/2002 với nội dung “lệ phí mở quán kinh doanh”. Ngày 08/7/2002, Chủ tịch UBND xã Vinh Quang xác nhận: “Nhất trí cho gia đình Ông Dương Văn S được làm quán đồng thời sử dụng ở phần cuối giáp cống 16m, yêu cầu gia đình không được làm cản trở chân cầu cống và lề đường, khi Nhà nước sử dụng thu hồi gia đình tự nguyện chấp hành không được gây cản trở trong mọi trường hợp đối với cơ quan quản lý Nhà nước”.

Theo Sổ mục kê, Bản đồ giải thửa năm 1994 xã Vinh Quang, hộ Ông Dương Văn S sử dụng thửa đất số 02, 03 tờ bản đồ số 01 bản đồ giải thửa xã Vinh Quang do UBND xã Vinh Quang tạm giao năm 2002 có chiều rộng 20m, chiều sâu thửa đất từ 5m-7,5m, diện tích tương ứng là 134m², vị trí thửa đất từ chân Quốc lộ 10 cũ trước năm 2000 đến mép sông.

Căn cứ kết quả kiểm tra diện tích hiện trạng sử dụng đất ngày 24/7/2017 giữa Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND xã Vinh Quang với hộ gia đình Ông Dương Văn S và 03 hộ gia đình đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Ông Dương Văn S: Kích thước từ chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 đến mép đỉnh kè đá mang cống Kênh Trang theo phía giáp đường vào thôn Gia Phong xã Tân Hưng là 16,8m. Chỉ giới, diện tích thu hồi đất thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 năm 2015 chưa thu hồi vào diện tích thửa đất do UBND xã Vinh Quang xác nhận cho hộ Ông Dương Văn S sử dụng làm quán bán hàng theo văn bản ngày 08/7/2002.

Như vậy, diện tích thu hồi đất tính từ mép nhựa Quốc lộ 10 hiện trạng đến chỉ giới thu hồi năm 2015 là đất công trình Quốc lộ 10 cũ, hộ gia đình Ông Phạm Trí B tự sử dụng ở vị trí phía trước thửa đất mà hộ gia đình Ông Phạm Trí B nhận chuyển nhượng từ hộ Ông Dương Văn S về phía Quốc lộ 10 hiện trạng, vì vậy không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ Ông Phạm Trí B:

- Tổng diện tích đất tính từ mép nhựa Quốc lộ 10 hiện trạng đến chỉ giới giải

phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 năm 2015 là 30,2m², thuộc đất công trình Quốc lộ 10 cũ, gia đình Ông Phạm Trí B tự sử dụng, xây dựng công trình là vi phạm Luật Đất đai, Luật Giao thông đường bộ, vì vậy không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

- Công trình, vật kiến trúc trên diện tích đất 30,2m² nêu trên không được bồi thường, chỉ được hỗ trợ theo nội dung Công văn số 4549/UBND-GT ngày 25/12/2015 của UBND thành phố, bằng 30% mức giá quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố. Tổng số tiền hỗ trợ theo các phương án đã duyệt là 84.910.000 đồng, trong đó: tiền bồi thường đất 0 đồng; hỗ trợ vật kiến trúc, cây cối 84.910.000 đồng.

- Ngày 19/11/2016, Ông Phạm Trí B đã nhận tiền hỗ trợ theo phương án được duyệt, ký Giấy cam kết sau khi nhận tiền sẽ tự tháo dỡ và bàn giao phần đất đã chiếm dụng cho Nhà nước.

Quá trình giải phóng mặt bằng đã được UBND huyện thực hiện công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Việc UBND huyện Vĩnh Bảo đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB số 2254/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật, bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình theo quy định pháp luật. UBND huyện giữ nguyên nội dung Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 10/10/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Văn S trình bày: Nguồn gốc diện tích đất của gia đình ông là có một phần diện tích phía nam Quốc lộ 10, sau khi mở rộng Quốc lộ 10 năm 2002, theo chính sách giao đất cho người dân có nhu cầu thì ông đã đổi cho UBND xã Vinh Quang 02 sào 12 thước tương đương với 1000m² đất ruộng 95% để được công nhận QSDĐ 360m² đất phía đối diện đường. Ông Slam đơn xin làm quán mở dịch vụ bên đường Quốc lộ 10 và được UBND xã xác nhận và đã thu của ông S2.000.000 đồng lệ phí mở quán kinh doanh có phiếu thu và được tạm giao diện tích đất mà ông vỡ hoang nằm cạnh cống Kênh Trang theo yêu cầu phục vụ kinh tế. Năm 1982, ông khai hoang phục hóa diện tích 360m². Sau đó chuyển nhượng cho Ông Phạm Trí B một phần diện tích đất nằm trong nguồn gốc đất nên trên. Ông S thừa nhận diện tích đất bị thu hồi là đất hành lang giao thông nhưng UBND xã có giao và thu tiền sử dụng đất (02 triệu đồng) của ông nên khi thu hồi phải được bồi thường theo đất ở.

- Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo – Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình Q trình bày: Căn cứ vào hồ sơ địa chính thì phần diện tích đất bị thu hồi năm 2015 của hộ gia đình Ông Phạm Trí B nằm trên mặt đường 10 cũ, được UBND xã giao đất là trái thẩm quyền, không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ nên không được bồi thường về đất.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về Tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 38 Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án hành chính về việc khiếu kiện đối với quyết định hành chính giữa Ông Phạm Trí B và UBND huyện Vĩnh Bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, người bị kiện là UBND huyện Vĩnh Bảo vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt là đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Bảo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã ủy quyền cho Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

+ Về thẩm quyền ban hành và trình tự thủ tục: Căn cứ Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng cây cối hoa màu, vật kiến trúc thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn tại xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Bảo đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa, người khởi kiện bổ sung yêu cầu Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1946/UBND-HĐBTGPMB ngày 29/9/2017 của UBND huyện Vĩnh Bảo. HĐXX xét thấy việc có căn cứ Hủy Quyết định 2254 nêu trên thì cũng có căn cứ hủy văn bản giải quyết khiếu nại nên cần chấp nhận.

+ Về nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Theo Bản đồ địa chính trích đo năm 2000 do Công ty tư vấn thiết kế công trình xây dựng – Sở xây dựng Hải Phòng lập, có xác nhận của Sở địa chính thì chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2000 nằm trên đường 10 cũ, cách mép nhựa đường 10 cũ về phía nhà ông B là $6\text{mm} \times 500 = 3\text{m}$.

Theo trích lục bản đồ năm 2015 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập, tỷ lệ 1:500 (bản đồ chồng ghép), thấy rằng khoảng cách từ chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 được mở rộng thêm về phía nhà ông B so với chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2000 là $4,5\text{mm} \times 500 = 2,25\text{m}$. Từ đó suy ra chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 cũng nằm trên đường 10 cũ và cách mép nhựa đường 10 cũ về phía nhà ông B là 0,85 mét. Như vậy có thể xác định được rằng diện tích đất GPMB năm 2015 nằm trên mặt đường nhựa cũ trước năm 2000 trở ra nên cũng không phải đất do ông Skhai hoang phục hóa từ năm 1982 và UBND xã chuyển đổi thành quán bán hàng được. Diện tích đất bị thu hồi mặc dù gia đình ông B sử dụng trước năm 2004 nhưng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đây là hành vi lấn chiếm đất theo quy định tại Điều 33 Nghị định 102/2014/NĐ-CP vi phạm vào Điều 8, khoản 2 Luật giao thông đường bộ 2008 do vậy không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP nên không được bồi thường về đất khi nhà

nước thu hồi theo Điều 75 Luật đất đai. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện trên của Ông Phạm Trí B là không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại: Do Quyết định phê duyệt phương án bồi thường 2254/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Bảo không có căn cứ để hủy nên tất cả các Quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường nói trên cũng không có căn cứ để hủy theo yêu cầu của Ông Phạm Trí B.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị HĐXX tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện và đối tượng khởi kiện:

[1] Theo Đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 2254/QĐ-UBND do UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành ngày 10/10/2016 về việc Phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB tài sản trên đất công thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn tại xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo (đợt 2). Căn cứ Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính, khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên tòa, người khởi kiện bổ sung yêu cầu Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1946/UBND-HĐBTGPMB ngày 29/9/2017 của UBND huyện Vĩnh Bảo về việc giải quyết kiến nghị của Ông Phạm Trí B xã Vinh Quang về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thi công Quốc lộ 10. Đối chiếu với khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 về Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án nhân dân Tối cao về tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy Văn bản giải quyết khiếu nại số 1946/UBND-HĐBTGPMB ngày 29/9/2017 của UBND huyện Vĩnh Bảo có liên quan đến Quyết định hành chính 2254/QĐ-UBND do UBND huyện Vĩnh Bảo ngày 10/10/2016. Vì vậy, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện tại phiên tòa.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Quyết định 2254/QĐ-UBND được ban hành ngày 10/10/2016. Tiếp theo đó, UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành các văn bản trả lời kiến nghị đối với hộ gia đình Ông Phạm Trí B liên quan đến bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thi công QL10 cho đến tháng 9/2017. Ngày 14/9/2018, ông B làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Trí B không vi phạm về thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:* Căn cứ khoản 2 Điều 66, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành

Quyết định thu hồi đất. Do đó, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân có đất hoặc có tài sản trên đất bị thu hồi. UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành Quyết định số 2254/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

[5] *Về trình tự thủ tục ban hành, thẩm định phương án bồi thường, phê duyệt phương án bồi thường:* Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai, UBND huyện đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản liên quan đến việc giải phóng mặt bằng như nguồn gốc đất đai, dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB xã Vinh Quang, phương án hỗ trợ GPMB xã Vinh Quang (đợt 2), Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB xã Vinh Quang (đợt 2) là thực hiện đúng thẩm quyền và đúng quy định pháp luật.

- *Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:*

[6] Xét nguồn gốc diện tích đất Nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp QL 10 năm 2015: Ông Phạm Trí B đang sử dụng thửa đất số 03 TĐĐ số 1 bản đồ giải thửa xã Vinh Quang có nguồn gốc là do UBND xã Vinh Quang giao trái thẩm quyền cho Ông Dương Văn S năm 2002. Ông S và ông B đều khẳng định diện tích đất bị thu hồi là đất hành lang giao thông và nằm trên mặt đường 10 cũ. Sau đó ông B nhận chuyển nhượng lại của ông S năm 2003 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Theo Kết luận thanh tra giải quyết đơn tố cáo của một số công dân xã Vinh Quang số 192/KL-UBND ngày 05/5/2006 của UBND huyện Vĩnh Bảo đối với diện tích đất của Ông Dương Văn S là đất lưu không của hành lang QL10, do UBND xã trực tiếp quản lý. Ngày 07/7/2002 Chủ tịch UBND xã Vinh Quang đã cho phép Ông Dương Văn S mở quán kinh doanh và đã thu số tiền 2.000.000 đồng tại phiếu thu ngày 07/7/2002 với nội dung “*lệ phí mở quán kinh doanh*”. Ngày 08/7/2002 chủ tịch UBND xã Vinh Quang xác nhận “*Nhất trí cho gia đình Ông Dương Văn S được làm quán đồng thời sử dụng ở phần cuối giáp cống 16m, yêu cầu gia đình không được làm cản trở chân cầu cống và lề đường, khi Nhà nước sử dụng thu hồi gia đình tự nguyện chấp hành không được gây cản trở trong mọi trường hợp đối với cơ quan quản lý Nhà nước*”.

[7] Theo Sổ mục kê, Bản đồ giải thửa năm 1994 xã Vinh Quang, hộ Ông Dương Văn S sử dụng thửa đất số 02, 03 TĐĐ số 01 bản đồ giải thửa xã Vinh Quang do UBND xã Vinh Quang tạm giao năm 2002 có chiều rộng 20m, chiều sâu thửa đất từ 5-7,5m, diện tích tương ứng là 134m², vị trí thửa đất từ chân QL10 cũ trước năm 2000 đến mép sông. Theo GCNQSDĐ nông nghiệp cấp cho Ông Dương Văn S ngày 01/01/1995, hộ gia đình Ông Dương Văn S được giao đất nông nghiệp diện tích 1.512m² tại thửa đất số 4/68, 3/48, 37/49, 45/77 và 2/52, không giao đất nông nghiệp tại vị trí thửa đất số 27 giáp QL10 như ông S đã nêu trong đơn kiến nghị (*giao đất phía đông, giáp QL10, khu vực cây xăng Phúc Loan*). Năm 2003 khi thực hiện dồn điền đổi thửa, UBND xã Vinh Quang đã giao đất nông nghiệp (95%) cho hộ ông Sáu, diện tích 2.016m² đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ, đủ diện

tích theo định mức giao đất tại xã Vinh Quang, nhiều hơn diện tích đã cấp GCNQSDĐ nông nghiệp năm 1995 cho hộ ông S là 504m². Từ năm 2002 đến năm 2017 UBND xã không thu sản phẩm trên toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đã giao cho ông S sử dụng. Năm 2005 ông B bị Thanh tra giao thông khu vực 2 lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính (VPHC), Quyết định xử phạt VPHC về việc xây dựng nhà, công trình kiên cố trong phạm vi đất cho đường bộ, buộc gia đình ông B tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, khôi phục lại nguyên trạng ban đầu đã bị thay đổi do VPHC gây ra (trước đó ông S cũng đã bị xử phạt VPHC). Căn cứ kết quả kiểm tra diện tích hiện trạng sử dụng đất ngày 24/7/2017 giữa Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND xã Vinh Quang với hộ gia đình Ông Dương Văn S và 03 hộ gia đình đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Ông Dương Văn S: Kích thước từ chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 đến mép đỉnh kê đá mang cống Kênh Trang theo phía giáp đường vào thôn Gia Phong xã Tân Hưng là 16,8m. Chỉ giới, diện tích thu hồi đất thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp QL10 năm 2015 chưa thu hồi vào diện tích thửa đất do UBND xã Vinh Quang xác nhận cho hộ Ông Dương Văn S sử dụng làm quán bán hàng theo văn bản ngày 08/7/2002. Như vậy, diện tích thu hồi đất tính từ mép nhựa QL10 hiện trạng đến chỉ giới thu hồi năm 2015 là đất công trình QL10 cũ, hộ gia đình Ông Phạm Trí B tự ý sử dụng vì vậy không được bồi thường hỗ trợ về đất.

[8] Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi của hộ gia đình ông B trên đã vi phạm Điều 8 của Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội Đồng Bộ Trưởng về Hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ quy định; vi phạm Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; vi phạm Điều 15 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Theo Bản đồ địa chính trích đo năm 2000 do Công ty tư vấn thiết kế công trình xây dựng – Sở xây dựng Hải Phòng lập, có xác nhận của Sở địa chính thì chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2000 nằm trên đường 10 cũ, cách mép nhựa đường 10 cũ về phía nhà ông B là 6mm*500= 3mét. Theo trích lục bản đồ năm 2015 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập, tỷ lệ 1:500 (bản đồ chồng ghép) thấy rằng: Khoảng cách từ chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 được mở rộng thêm về phía nhà ông B so với chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2000 là 4,5mm*500= 2,25mét. Chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 cũng nằm trên đường 10 cũ và cách mép nhựa đường 10 cũ về phía nhà ông B là 0,85 mét. Do vậy khẳng định rằng diện tích đất GPMB năm 2015 nằm trên mặt đường nhựa cũ trước năm 2000 trở ra nên cũng không phải đất do ông S khai hoang phục hóa từ năm 1982 và UBND xã chuyển đổi thành quán bán hàng được. Diện tích đất bị thu hồi nằm trong hành lang an toàn giao thông, mặc dù gia đình ông B sử dụng trước năm 2004 nhưng không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đây là hành vi chiếm đất theo quy định tại Điều 3 Nghị định 102/2014/NĐ-CP và vi phạm vào khoản 2 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ 2008. Do vậy không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, toàn bộ phần đất bị thu hồi nằm trên mặt

đường QL 10 cũ (đất hành lang giao thông) nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi theo Điều 75 Luật Đất đai.

[9] Đối chiếu với các quy định nêu trên thì UBND huyện Vĩnh Bảo đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định, đúng thẩm quyền và căn cứ pháp luật. Quyết định 2254/QĐ-UBND của UBND huyện Vĩnh Bảo ngày 10/10/2016 không phê duyệt bồi thường về đất cho gia đình ông B là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Trí B về việc Hủy Quyết định 2254/QĐ-UBND của UBND huyện Vĩnh Bảo ngày 10/10/2016 là không có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời yêu cầu khởi kiện Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1946/UBND- HĐBTGPMB ngày 29/9/2017 của UBND huyện Vĩnh Bảo cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[10] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu của người khởi kiện đề nghị được bồi thường về đất khi thu hồi đối với diện tích 30,2m² nêu trên là không có căn cứ.

[11] Do đó, các công trình, vật kiến trúc trên diện tích đất 30,2m² không được bồi thường, chỉ được hỗ trợ theo nội dung Công văn số 4549/UBND-GT ngày 25/12/2015 của UBND thành phố, bằng 30% mức giá quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố. Theo Biên bản kiểm kê ngày 28/12/2015, tài sản nằm trên đất thuộc hành lang giao thông thì được hỗ trợ 30% mức bồi thường = 84.910.000 đồng. Ông Phạm Trí B đã nhận tiền hỗ trợ ngày 19/11/2016 và ký cam kết sau khi nhận tiền sẽ tự tháo dỡ và bàn giao phần đất đã chiếm dụng cho Nhà nước.

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

[12] Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001; Điều 127 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Trí B về việc:

- Hủy Quyết định hành chính số 2254/QĐ-UBND do UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành ngày 10/10/2016 về việc Phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB tài sản trên đất công thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn tại xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Bảo.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1946/UBND- HĐBTGPMB ngày 29/9/2017 của UBND huyện Vĩnh Bảo.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Trí B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông B đã nộp theo Biên lai số 0001583 ngày 30/01/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông B đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng (cấp trên trực tiếp của người bị kiện);
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Mạnh Nguyễn Kim San

Phạm Thị Thanh Bình